

Cách tra cứu số thuê bao di động mặt đất

STT	Tên Doanh nghiệp	Mã mạng di động mặt đất đã được phân bổ
1	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội	32 , 33 , 34 , 35 , 36 , 37 , 38 , 39 , 86 , 96 , 97 , 98 , 16
2	Tổng Công ty viễn thông MobiFone	70 , 76 , 77 , 78 , 79 , 89 , 90 , 93 , 12
3	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	81 , 82 , 83 , 84 , 85 , 88 , 91 , 94 , 13
4	Công ty cổ phần viễn thông di động VIETNAMOBILE	52 , 56 , 58 , 92 , 10
5	Công ty TNHH Dịch vụ số DIGILIFE Việt Nam	51 , 14
6	Công ty TNHH Viễn thông di động Toàn Cầu	59 , 99
7	Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	11
8	Công ty cổ phần viễn thông Đông Dương Telecom	87
9	Công ty cổ phần Mobicast	55
10	Công ty cổ phần viễn thông ASIM	30

❖ Các số thuê bao di động có độ dài 11 chữ số cấu trúc 0 + Mã mạng di động mặt đất 1X + XX.XXX.XXX: là các số thuê bao di động M2M của doanh nghiệp đã được phân bổ mã mạng đó (các thuê bao này không được phép phát sinh lưu lượng thoại). Ví dụ 0**16**XX.XXX.XXX là thuê bao M2M của Viettel, 0**13**XX.XXX.XXX là thuê bao M2M của VNPT, 0**11**XX.XXX.XXX là thuê bao M2M của Pottel.

❖ Các số thuê bao di động có độ dài 10 chữ số cấu trúc 0 + Mã mạng di động mặt đất + X.XXX.XXX: là các số thuê bao di động H2H của doanh nghiệp đã được phân bổ mã mạng đó. Ví dụ 0**32**X.XXX.XXX là thuê bao H2H của Viettel, 0**70**X.XXX.XXX là thuê bao H2H của Mobifone.

❖ *Thông tin thuê bao và các thông tin riêng khác sẽ do Doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ cho thuê bao cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.*

Cách tra cứu số thuê bao cố định mặt đất

STT	Tên Doanh nghiệp	Tỉnh/TP	Khối số thuê bao cố định mặt đất
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Toàn quốc	32, 33, 35, 36, 37, 80, 85, 86, 87, 88, 89
2	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội	Toàn quốc	220-226, 228, 229, 246-249, 260-269, 280-289, 602, 612, 625-629, 632, 633, 65, 66, 67.
3	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Toàn quốc	730
4	Công ty Cổ phần Công nghệ S Global	Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh	890
		Hà Nội, Hồ Chí Minh, Phú Yên, Quảng Nam, Hậu Giang, Tây Ninh, Quảng Ninh, Bình Định, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Bắc Ninh, Thừa Thiên - Huế, Long An, Bến Tre, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cà Mau, Tiền Giang, Đồng Nai, Kiên Giang, Quảng Ngãi, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Bình Dương, An Giang, Trà Vinh, Bình Thuận, Khánh Hòa	899
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Leeon	Hà Nội, Hồ Chí Minh	799
		Hà Nội, Hồ Chí Minh, Bình Dương, Thái Nguyên, Thái Bình, Bắc Ninh, Bình Định, Kiên Giang, Đồng Tháp, Nghệ An, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Tiền Giang, Quảng Ninh, Bắc Giang, Đắk Lắk, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Nam, Long An, Gia Lai, Cần Thơ, Đà Nẵng, An Giang, Lâm Đồng, Vĩnh Phúc, Quảng Ngãi	889
6	Tổng công ty Công nghệ - Viễn thông Toàn Cầu	Đà Nẵng, Sóc Trăng, Ninh Bình, Bắc Ninh, Gia Lai, Nam Định, Hoà Bình, Thanh Hóa, Hà Giang, Lâm Đồng, Bạc Liêu, Quảng Ninh, Kiên Giang, Cà Mau, Đồng Nai, Hải Phòng, Cần Thơ, Khánh Hòa, Sơn La, Bình Dương, Phú Yên, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hậu Giang, An Giang, Nghệ An, Bắc Kạn, Ninh Thuận, Hà Tĩnh	999
		Hà Nội, Hồ Chí Minh	838, 999

7	Công ty cổ phần viễn thông Đông Dương Telecom	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Thừa Thiên - Huế, Bình Thuận, Lạng Sơn, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Long An, Quảng Trị, Khánh Hòa, Đồng Nai, Hà Nam, Nghệ An, Hải Dương, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bình Định, Quảng Bình, Thanh Hóa, Vĩnh Long, Bắc Giang, Tiền Giang, Cần Thơ, Quảng Nam, Ninh Thuận, Bình Dương, Bắc Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Phú Yên, Quảng Ngãi.	777
8	Công ty cổ phần hạ tầng viễn thông số	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Nghệ An, Đồng Nai	555
		Hà Nội, Hồ Chí Minh	686
		Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Lạng Sơn, Bến Tre, Nam Định, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Cần Thơ, Ninh Bình, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Điện Biên, Sóc Trăng, Ninh Thuận, Vĩnh Phúc, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hoà Bình, Bắc Ninh, Quảng Nam, Lâm Đồng, Gia Lai, Thừa Thiên - Huế	688
		Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi, Tây Ninh, Cần Thơ, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Điện Biên, Nghệ An, Đồng Nai, Gia Lai, Thừa Thiên - Huế	699
		Hà Nội, Hồ Chí Minh	868
		Vĩnh Phúc, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Nam Định, Cần Thơ, Khánh Hòa, Hoà Bình, Bắc Ninh, An Giang, Quảng Ngãi, Tây Ninh, Quảng Ninh, Sóc Trăng, Thái Nguyên, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Bến Tre, Điện Biên, Đắk Lắk, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Nam, Lạng Sơn, Ninh Thuận, Gia Lai, Thừa Thiên - Huế, Hà Nội, Hồ Chí Minh	888
9	Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương, Quảng Ninh, Hải Phòng,	710
		Hà Nội, Hồ Chí Minh	712
10	Công ty TNHH một thành viên viễn thông số VTC	Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh	445
11	Công ty cổ phần viễn thông Hà nội	Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh	567

❖ Số thuê bao cố định có độ dài 7 chữ số (riêng ở Hà Nội và Hồ Chí Minh có độ dài 08 chữ số), thường xuất hiện ở định dạng: 0084/+84 + mã tỉnh + khối số thuê bao + XXXX (riêng Hà Nội, Hồ Chí Minh là XXXXX). Số thuê bao có chứa khối số thuê bao nào thì là thuê bao của doanh nghiệp tương ứng được phân bổ khối số nêu trên. Ví dụ: 024 567X XXXX là thuê bao của Công ty cổ phần viễn thông Hà Nội tại Hà Nội.

❖ *Thông tin thuê bao và các thông tin riêng khác sẽ do Doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ cho thuê bao cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.*